

Biểu mẫu 05

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	* Chỉ tiêu TS: 13 lớp - 560 HS (Theo QĐ số 1596/QĐ-UBND của UBND quận Bình Tân ngày 29/4/2022). * Điều kiện TS: - HS 6 tuổi (sinh năm 2016); có hộ khẩu thường trú và tạm trú trên địa bàn phường Bình Hưng Hòa B tính đến ngày 01/02/2022, có trong danh sách phổ cập giáo dục của phường BHHB, có giấy khai sinh hợp lệ. * Số lượng tuyển: 13 lớp, 560 HS.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. - HS nơi khác chuyển đến phải có thường trú tại địa bàn khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B và phải có đủ hồ sơ hợp lệ. * Số lớp: 20 lớp, 1032 HS.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020. - HS nơi khác chuyển đến phải có thường trú tại địa bàn khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B và phải có đủ hồ sơ hợp lệ. * Số lớp: 19 lớp, 976 HS.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 và Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014; Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016. - HS nơi khác chuyển đến phải có thường trú tại địa bàn khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B và phải có đủ hồ sơ hợp lệ. * Số lớp: 20 lớp, 985 HS.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 và Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014; Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016. - HS nơi khác chuyển đến phải có thường trú tại địa bàn khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B và phải có đủ hồ sơ hợp lệ. * Số lớp: 24 lớp, 1143 HS.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	* Chương trình GDPT theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. (35 tiết/tuần)	* Chương trình GDPT theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. (35 tiết/tuần)	* Chương trình GDPT theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. (35 tiết/tuần)	* Chương trình GDPT theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006. (35 tiết/tuần)	* Chương trình GDPT theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006. (35 tiết/tuần)
III	Yêu cầu về phối hợp	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường				

	giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	và gia đình. Việc thành lập và các hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn thực hiện đúng theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện trường, lớp họp 3 lần/ năm học (Đầu năm, cuối HKI và cuối năm học). Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong điều lệ trường, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia các hoạt động Đội TNTP Hồ Chí Minh, được tham gia vào các hoạt động truyền thông, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VH - TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong nhà trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường theo các chủ điểm hàng tháng như: 02/9; 20/10; 20/11; 22/12; 9/1; 3/2; 08/3; 26/3; 30/4; 15/5 và 19/5. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quan môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe Phù Đổng). - Tặng 01 suất BHYT+BHTN/HS/khối; 01 bộ Đồng phục/HS/Khối; 01 Góc học tập/HS/Khối.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực: 100% đạt yêu cầu trở lên. - Phẩm chất: 100% đạt yêu cầu trở lên. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh thông thường, khám sức khỏe cho HS 01 lần/năm, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS; luôn đảm bảo tuyệt đối an toàn trường học.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt 99,5%; Duy trì sĩ số ổn định	Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt 99,5%; Duy trì sĩ số ổn định	Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt 99,5%; Duy trì sĩ số ổn định	Tỉ lệ lên lớp thẳng đạt 99,5%; Duy trì sĩ số ổn định	Tỉ lệ Hoàn thành chương trình tiểu học 100%

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Võ Phương Bình

Biểu mẫu 06

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	4931	1035	953	972	1148	823
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2198	423	502	408	523	342
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	4931	1035	953	972	1148	823
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	4791 (97,2%)	1028 (99,3%)	886 (93%)	907 (93,3%)	1122 (97,7%)	793 (96,4%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	140 (2,8%)	7 (0,7%)	67 (7%)	65 (6,7%)	26 (2,3%)	30 (3,6%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	4931	1035	953	972	1148	823
1	Hoàn thành tốt trở lên (tỷ lệ so với tổng số)	3588 (72,8%)	497 (48%)	519 (54,5%)	821 (84,5%)	965 (84,1%)	786 (95,5%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1263 (25,6%)	491 (47,5%)	426 (44,7%)	144 (14,8%)	165 (14,4%)	37 (4,5%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	80 (1,6%)	47 (4,5%)	8 (0,8%)	7 (0,7%)	18 (1,5%)	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	4931	1035	953	972	1148	823
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	4886 (99,1%)	1009 (97,5%)	947 (99,4%)	969 (99,7%)	1138 (99,1%)	823 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp	3588 (72,8%)	497 (48%)	519 (54,5%)	821 (84,5%)	965 (84,1%)	786 (95,5%)

	trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Ồ lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	45 (0,9%)	26 (2,5%)	6 (0,6%)	3 (0,3%)	10 (0,9%)	0

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Võ Thương Bình

Biểu mẫu 07

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	78	0,7 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố	41	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11935	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	4360	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48/1P	
2	Diện tích thư viện (m ²)	120	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	192/4P	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	240/4P	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	49	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	15	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo		

	quy định		
1.1	Khối lớp 1	13	13/23 (chương trình mới-đã đề xuất thêm)
1.2	Khối lớp 2	3	3/21 (chương trình cũ-đã đề xuất chương trình GDPT 2018)
1.3	Khối lớp 3	3	3/19 (chương trình cũ-đã đề xuất chương trình GDPT 2018)
1.4	Khối lớp 4	5	5/20 (chương trình cũ)
1.5	Khối lớp 5	5	5/24 (chương trình cũ)
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	10	Chương trình mới
2.2	Khối lớp 2	21	Chương trình mới
2.3	Khối lớp 3	19	Chương trình mới
2.4	Khối lớp 4	15	
2.5	Khối lớp 5	19	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	212	5230 HS/209 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	78	78/106
2	Cát xét	13	13/106
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Laptop	05	TT Đại Việt hỗ trợ 02 cái
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	20
XI	Nhà ăn	120

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	14	7/7	294	147/147
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Võ Chương Bình

Biểu mẫu 08

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2022-2023 (Tính đến tháng 9/2022)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp 2021-2022			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	133	0	2	110	15	6	0	62	32	31	57	44	2	21
I	Giáo viên	125	0	1	106	13	5	0	62	32	31	54	44	2	21
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	100	0	0	88	7	5	0	48	29	22	44	37	2	15
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	13			9	4			10	0	3	8	1		4
3	Tin học	3			2	1			2		1		2		1
4	Âm nhạc	2			2						1	1			
5	Mỹ thuật	3			3						3		2		
6	Thể dục	4		1	2	1			2	1	1	1	2		1
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên	5			2	2	1								
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Nhân viên Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								

5	Nhân viên thư viện – thiết bị	1				1								
6	Nhân viên Bảo vệ	0												

Bình Tân, ngày 05 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Võ Thương Bình